

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2025/QĐST-DS

TP. H, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ H

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Nhật Minh.

Thư ký phiên họp: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H tham gia phiên họp:
Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 251/2025/DSST ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 12/2025/QĐST-VDS ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên họp số 18/2025/TB ngày 18 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Võ H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: 285/12 đường V, phường N, Quận B (nay phường B), Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1976; Địa chỉ: 408/12 đường N, phường N, Quận B (nay phường B), Thành phố H.

Người bị yêu cầu tuyên bố chết: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1929

Nơi cư trú cuối cùng: 186 đường P, S (nay là đường N, phường X) Thành phố H.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, biên bản ghi lời khai của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H, người yêu cầu ông Nguyễn Võ H trình bày: Cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn G (đã chết, không nhớ năm) và bà Hoàng Thị N (chết năm 1978), ông G và bà N có với nhau 04 người con chung gồm: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1929, bà Nguyễn Thị X (chết năm 2016), Nguyễn Võ H, sinh năm 1945 và Nguyễn Thị B đi du học nước ngoài từ năm 1968 không có liên lạc từ đó cho đến nay.

Năm 1955, bà Hoàng Thị N có đưa tiền cho ông Nguyễn Đức T mua căn nhà 408/12 đường N, phường N, Quận B bằng giấy tờ tay. Sau khi mua nhà xong thì ông T không có ở tại nhà 408/12 đường N, phường N, Quận B mà sinh sống ở nơi khác.

Vào ngày 05/11/1974, gia đình nhận được thông tin ông Nguyễn Đức T chết do bị ung thư, thời điểm đó gia đình và có cả ông H đến tại địa chỉ 186 đường P, S (nay là đường N, phường X), Thành phố H tổ chức tang lễ cho ông T trong 03 ngày, lúc đó ông H và người thân trong gia đình không biết nhà 186 đường P, S là của ai mà khi ông T chết lại tổ chức tang lễ ở đó. Sau đó, phần mộ của ông Nguyễn Đức T được chôn cất tại

nghĩa trang M (là công L hiện này). Sau ngày thống nhất đất nước thì phần mộ của ông T được di dời đến nghĩa trang L. Trước khi chết, ông T chưa kết hôn, không có con ruột và không có nhận con nuôi.

Trên thực tế thì sau khi ông T chết, gia đình có làm giấy chứng tử cho ông T nhưng hiện nay đã thất lạc, gia đình đã liên hệ Cơ quan hộ tịch tại địa phương nhưng được trả lời không còn lưu giữ. Do đó, ông yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1929 là đã chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H đề nghị: Căn cứ lời trình bày của người yêu cầu ông Nguyễn Võ H và các tài liệu khác như xác nhận của Ban quản lý nghĩa trang L, hình ảnh bia mộ của ông Nguyễn Đức T đã thể hiện ngày chết của ông T là ngày 05/11/1974. Căn cứ Điều 71 Bộ luật dân sự thì Tòa án quyết định tuyên bố một người là đã chết khi không có tin tức xác thực là còn sống sau những sự kiện pháp lý như bị tai nạn hoặc thảm họa, thiên tai hoặc biệt tích 05 năm trở lên mà không có tin tức. Trường hợp của ông T là đã xác định được cụ thể ngày chết do đó căn cứ Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Võ H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Võ H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H tuyên bố anh ruột ông là ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1929, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích là 186 đường P, S (nay là 186 đường N, phường X), Thành phố H là đã chết. Căn cứ khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu của ông Nguyễn Võ H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự yêu cầu Tòa án tuyên bố anh ruột là ông Nguyễn Đức T sinh năm 1929 là đã chết. Xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp gồm Giấy khai sinh của ông Nguyễn Võ H; Công văn số 1888/UBND-HT ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân Quận B thể hiện qua tra cứu trên cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử dùng chung Thành phố H có thông tin Giấy thế vì khai sinh tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 19/10/1929; nơi sinh xã T, huyện H, tỉnh N; tên cha: Nguyễn Văn G, tên mẹ Hoàng Thị N.

[2.2] Ông Nguyễn Võ H trình bày, ông biết rõ anh ruột ông là ông Nguyễn Đức T chết vào ngày 05/11/1974 và tang lễ được tổ chức tại 186 đường P, S (nay là 186 đường N, phường X), Thành phố H. Chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ ông H cung cấp hình ảnh bia mộ của ông Nguyễn Đức T thể hiện ngày chết của ông T là ngày 05/11/1974 và xác nhận của Ban quản lý nghĩa trang L.

[2.3] Điều 71 Bộ luật dân sự quy định: Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết trong trường hợp sau đây: a) Sau 03 năm, kể từ ngày quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà vẫn không có tin tức xác thực là còn sống; b) Biệt tích trong chiến tranh sau 05 năm, kể từ ngày chiến tranh kết thúc mà vẫn không có tin tức xác thực là còn sống; c) Bị tai nạn hoặc thảm họa, thiên tai mà sau 02 năm, kể từ

ngày tai nạn hoặc thảm họa, thiên tai đó chấm dứt vẫn không có tin tức xác thực là còn sống, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; d) Biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống...

[2.4] Như vậy, căn cứ lời trình bày của người yêu cầu và các tài liệu chứng cứ đã thể hiện ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1929 đã chết ngày 05/11/1974 và Toà án chỉ có thẩm quyền tuyên bố chết khi sau thời gian sự kiện pháp lý đã viện dẫn tại mục [2.3] mà không có tin tức xác thực là còn sống. Trường hợp này đã xác định được ngày chết của ông Nguyễn Đức T là ngày 05/11/1974 do đó đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Võ H.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Võ H là người cao tuổi và có đơn xin miễn lệ phí thuộc trường hợp được miễn tiền lệ phí giải quyết yêu cầu về dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 361, Khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Khoản 1 Điều 372, Điều 391 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;

1. Không chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Võ H về việc: Yêu cầu tuyên bố ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1929, có nơi cư trú cuối cùng: 186 đường P, S (nay là 186 đường N, phường X), Thành phố H là đã chết.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Võ H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền lệ phí giải quyết yêu cầu về dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1, TP.H;
- Đường sự;
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 1;
- UBND phường X.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Nhật Minh

